
Công văn
V/v: Giải trình KQKD riêng
kỳ kế toán 01/10/2019-31/12/2019

Tiền Giang, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

“4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.”

Bảng thể hiện các thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa kỳ kế toán 01/10/2019-31/12/2019 (kỳ chuyển tiếp năm 2020) so với kỳ kế toán 01/10/2018-31/12/2018 (quý 1 năm 2019):

CHỈ TIÊU	1/10/2019-31/12/2019	1/10/2018-31/12/2018	CHÊNH LỆCH	
			Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	234.707.668.883	1.126.516.235.198	(891.808.566.315)	-79,17%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3.054.480.000	7.003.339.623	(3.948.859.623)	-56,39%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	231.653.188.883	1.119.512.895.575	(887.859.706.692)	-79,31%
4. Giá vốn hàng bán	375.827.118.318	1.036.494.721.987	(660.667.603.669)	-63,74%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(144.173.929.435)	83.018.173.588	(227.192.103.023)	-273,67%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	310.810.731	2.731.263.289	(2.420.452.558)	-88,62%
7. Chi phí tài chính	37.845.584.088	30.424.667.707	7.420.916.381	24,39%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	35.268.720.822	25.083.604.871	10.185.115.951	40,60%
8. Chi phí bán hàng	15.603.525.525	45.181.685.731	(29.578.160.206)	-65,46%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	85.075.941.345	6.397.601.530	78.678.339.815	1.229,81%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(282.388.169.662)	3.745.481.909	(286.133.651.571)	-7.639,43%
11. Thu nhập khác	7.826.834.807	-	7.826.834.807	
12. Chi phí khác	3.003.606	780.007.002	(777.003.396)	-99,61%
13. Lợi nhuận khác	7.823.831.201	(780.007.002)	8.603.838.203	-1.103,05%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(274.564.338.461)	2.965.474.907	(277.529.813.368)	-9.358,70%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	

CHỈ TIÊU	1/10/2019- 31/12/2019	1/10/2018- 31/12/2018	CHÊNH LỆCH	
			Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(274.564.338.461)	2.965.474.907	(277.529.813.368)	-9.358,70%

Căn cứ các số liệu thể hiện ở bảng trên, Công ty Cổ Phần Hùng Vương (“Công ty”) (mã chứng khoán HVG) xin được giải trình các thay đổi trọng yếu như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 79,17% (tương ứng 891,8 tỷ đồng) do hoạt động xuất khẩu cá tra đến các thị trường bị chững lại.
Từ tháng 10/2019, sức mua ở hầu hết các thị trường đều giảm mạnh do cung vượt quá cầu. Riêng 2 thị trường lớn nhất là Mỹ và Trung Quốc, lượng sản phẩm cá tra nói chung còn tồn ở đây phải mất ít nhất 6 tháng để tiêu thụ hết.
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 273,67% (tương ứng 227,1 tỷ đồng)
Giai đoạn 2018 – 2019, do tình hình phát triển nóng của cá tra, diện tích nuôi trồng mở rộng không theo quy hoạch, giá cá nguyên liệu đầu vào giảm mạnh ở mức 34.000 đồng/kg (tháng 2/2019) xuống còn 18.000 đồng/kg (tháng 2/2020) làm giá xuất khẩu giảm theo, trong khi hàng tồn kho của Công ty giá thành đang ở mức cao;
Sự sụt giảm ở cả 2 yếu tố: sản lượng và giá trị dẫn đến lãi gộp hoạt động xuất khẩu thủy sản và hoạt động bán thủy sản nội địa giảm lần lượt là 43,4 tỷ đồng đối với xuất khẩu và 138,8 tỷ đối với nội địa.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 88,62% (tương ứng 2,4 tỷ đồng) chủ yếu do quý 1 năm 2019 có khoản lãi từ chia cổ tức của các công ty con 1,4 tỷ đồng;
- Chi phí tài chính tăng 7,4 tỷ đồng, tương đương 24,39% chủ yếu do lãi vay tăng 40,6% (tương ứng 10,1 tỷ đồng);
- Chi phí bán hàng giảm 65,46% (tương ứng 29,5 tỷ đồng) do sản lượng xuất khẩu giảm.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1.229,81% (tương ứng 78,6 tỷ đồng) chủ yếu do số dự phòng nợ phải thu khó đòi lập trong kỳ chuyển tiếp năm 2020 là 77 tỷ đồng;
- Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ kế toán 01/10/2019-31/12/2019 giảm 277,5 tỷ đồng so với kỳ kế toán 01/10/2018-31/12/2018.

Trên đây là giải trình cho các thay đổi trọng yếu của số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh riêng kỳ kế toán 01/10/2019-31/12/2019 so với kỳ kế toán 01/10/2018-31/12/2018 của Công ty Cổ Phần Hùng Vương.

Trân trọng.



Nơi nhận: - Như trên
- Bộ phận tài chính kế toán